

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2023/DS-PT

Ngày: 12/4/2023

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2023, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà A, Phan Bội C, Khóm D, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông S: Chị Hồ Mỹ S1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Là đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2021).

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Tuyết N1: Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ú là luật sư Lê Văn L – thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Anh Trần Đức Duy T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ F, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị S1 và chị N có mặt Tại phiên tòa; anh Trần Đắc Duy T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S ủy quyền cho chị Hồ Mỹ S1 trình bày:

Ngày 06/01/2021, ông S có cho chị N vay số tiền là 2.070.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận sau ngày 06/3/2021 là 06%/tháng. Từ ngày 06/01/2021 đến ngày 06/3/2021 ông S và chị N thỏa thuận không tính lãi suất. Thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 06/01/2021 đến ngày 06/4/2021), mục đích vay tiền là để chị N và bà Nguyễn Thị Ú (mẹ ruột chị N) bổ sung vốn kinh doanh và đáo hạn Ngân hàng. Mẫu biên nhận là của ông S đưa cho chị N tự điền nội dung, ký ghi họ tên người vay tiền. Từ khi vay tiền, chị N và bà Ú không đóng lãi cho ông S, ông S nhiều lần liên hệ và tìm đến nhà chị N, bà Ú để yêu cầu trả tiền nhưng đến nhà thì nhà lúc nào cũng đóng cửa, điện thoại thì chị N hứa hẹn trả tiền nhưng đến nay vẫn không đóng lãi và chưa trả vốn cho ông S.

Do đó, ông S yêu cầu chị N và bà Ú liên đới trả lại cho ông S số tiền vốn vay là 2.070.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/4/2021 đến ngày 07/11/2021 là 07 tháng, với lãi suất là 0.83%/tháng. Cụ thể: $2.070.000.000đ \times 0,83\% \times 07 \text{ tháng} = 120.267.000đ$. Tổng cộng vốn lãi là 2.190.267.000đ. Đồng thời ông S yêu cầu tiếp tục tính lãi sau ngày 07/11/2021 cho đến khi chị N và bà Ú trả xong nợ.

Tại phiên tòa, ông S thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi, ông S yêu cầu chị N và bà Ú liên đới trả lại cho ông S số tiền vốn vay là 2.070.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 07/4/2021 đến ngày 07/10/2022 là 18 tháng, với lãi suất là 0.83%/tháng. Cụ thể: $2.070.000.000đ \times 0,83\% \times 18 \text{ tháng} = 309.258.000đ$. Tổng cộng vốn lãi là 2.379.258.000đ.

Đối với anh Trần Đắc Duy T, ông S thừa nhận có quen biết anh T, tuy nhiên ông S xác định anh T không có ký tên vào biên nhận ngày 06/01/2021 và anh T không có bảo lãnh cho chị N để vay tiền của ông S. Trong vụ án này, ông S không có yêu cầu gì đối với anh T, không yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả nợ cho ông S vì chữ ký và chữ viết trong biên nhận mượn tiền ngày 06/01/2021 không phải là của anh T mà là do chị N tự viết tự ký họ tên vào trước sự chứng kiến của ông S.

Về chi phí giám định số tiền là 14.310.000đ, ông S yêu cầu chị N và bà Ú liên đới chịu toàn bộ.

Ngoài ra, ông S không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã tổng

đạt hợp lệ (niêm yết công khai): Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng chị N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho chị N nhiều lần nhưng chị N vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ú vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Ú không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho bà Ú nhiều lần nhưng bà Ú vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đức Duy T trình bày: Anh thừa nhận có quen biết chị N và ông S thông qua việc uống cà phê chung một vài lần. Tuy nhiên, anh T không có bảo lãnh cho chị N vay tiền của ông S hay một ai khác, đồng thời chữ ký và chữ viết ghi họ tên Trần Đức Duy T trên biên nhận ngày 06/01/2021 không phải của anh T, anh T không biết và cũng không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa ông S và chị N. Anh T xác định không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, anh T xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu gì khác.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 17/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S.

Buộc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng S số tiền vốn vay 2.070.000.000đ và tiền lãi 309.208.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 2.379.258.000đ (Hai tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú liên đới với chị Nguyễn Nguyệt T1 Ngân trả cho ông S số tiền vốn, lãi là 2.379.258.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 79.585.160đ (Bảy mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi đồng).

Ông Nguyễn Hoàng S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm theo quy định nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác:

Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải nộp chi phí giám định số tiền là 14.310.000đ (Mười bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng) để hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/11/2022, chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt hợp lệ đối với chị mà xét xử vụ án và buộc chị phải trả số tiền 2.070.000.000đ và tiền lãi 309.208.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 2.379.258.000đ cho ông S là không đúng sự thật, vì số tiền theo biên nhận mà ông S xuất trình với Tòa án là biên nhận không, sự thật là chị có mẹ chị vay nợ ông S nhưng chỉ với số tiền là 1.500.000.000đ, mẹ chị đã đóng lãi cho ông S hơn 3 tỷ đồng; biên nhận đó là do ông S buộc chị ký.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, là chịN vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo biên nhận ngày 06/01/2021 do ông S xuất trình có nội dung chị N có vay (nợ) ông S 2.070.000.000đ, thời hạn vay là 90 ngày (từ ngày 06/01/2021 đến ngày 06/4/2021), lãi suất 6%/tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, đáo hạn Ngân hàng; trong đơn kháng cáo của mình, thì chị N cũng đã thừa nhận chị có ký tên vào biên nhận này nhưng chị N cho rằng là do bị ép buộc và lừa dối chị, nhưng chị N không có chứng cứ gì chứng minh là chị bị ép buộc hoặc lừa dối khi ký biên nhận đó. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc chị N phải có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền vốn vay 2.070.000.000đ và tiền lãi 309.208.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 2.379.258.000đ là có căn cứ.

Đối với việc tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị N2 đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N trình bày như nội dung đơn kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, cho rằng số tiền theo biên nhận mà ông S xuất trình với Tòa án là biên nhận không, sự thật là chỉ có mẹ chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N vay nợ ông S nhưng chỉ với số tiền là 1.500.000.000đ và mẹ chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N đã đóng lãi cho ông S hơn 3 tỷ đồng; biên nhận này là do ông S buộc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N ký. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị N2 cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày trên, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đối với việc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tổng đạt hợp lệ đối với chị, nên chị không biết để tham gia giải quyết vụ kiện, là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào hồ sơ vụ án thì kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp tổng đạt hợp lệ đối với chị N, nên lời trình bày và yêu cầu hủy án sơ thẩm của chị N là không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị N2 đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do y án sơ thẩm nên chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 17/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S.

Buộc chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng S số tiền vốn vay 2.070.000.000đ và tiền lãi 309.208.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 2.379.258.000đ (Hai tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú liên đới với chị Nguyễn Nguyệt T1 Ngân trả cho ông S số tiền vốn, lãi là 2.379.258.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 79.585.160đ (Bảy mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi đồng).

- Ông Nguyễn Hoàng S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm theo quy định nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải nộp chi phí giám định số tiền là 14.310.000đ (Mười bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng) để hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001201 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc (đã nộp xong).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy